TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỚN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **85** /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 9 – 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thủy
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thanh Hương
2. Ông Điểu Kim Rương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thùy– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 173 /2022/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Điểu X, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tổng Cui L, xã Phước A, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 1, ấp Tổng Cui L, xã Phước A, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng chính sách xã hội V; Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu B, phường H, quận H, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội V. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Bích H – chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Q thuộc chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

+ Ông Điểu T, Địa chỉ: Tổ 01, ấp Tổng Cui L, xã Phước A, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

+ Bà Lữ Thị M, sinh năm 1955, Địa chỉ: Tổ 5, khu phố 7, thị trấn Tân K, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

+ Bà Thị H, Địa chỉ: Tổ 01, ấp Tổng Cui L, xã Phước A, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước (Có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Điểu X trình bày:

Anh Điểu X và chị Thị H chung sống từ năm 2014 có đăng ký theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2014 ngày 17/02/2014 tại UBND xã Phước A, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên có mâu thuẫn, nhưng do đã có con với nhau nên anh chị vẫn cố gắng duy trì quan hệ hôn nhân. Từ năm 2020 anh X và chị H đã không sống với nhau nữa.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Thị Kim H, sinh ngày 18/8/2004 và Điểu Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2019. Tại đơn khởi kiện anh X yêu cầu được nuôi con Điểu Thị Thanh T, giao cho chị H nuôi con Thị Kim H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh X đồng ý giao hai con cho chị H nuôi dưỡng, anh X tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi con 1.500.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại đơn khởi kiện, anh X yêu cầu chia đôi tài sản chung là căn nhà diện tích khoảng 115m^2 xây dựng trên thửa đất ngang khoảng 10m, dài 30m do mẹ vợ bà Thị H cho vợ chồng. Ngoài ra, anh X yêu cầu chia đôi nợ chung gồm: Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Quản 50.000.000đ vay từ năm 2018; Nợ ông Điểu T số tiền 40.000.000đ từ năm 2018; Nợ bà Lữ Thị M 15.000.000đ từ năm 2018.

Quá trình giải quyết vụ án do các bên đã thỏa thuận được với nhau, thống nhất giao toàn bộ tài sản chung cho chị H và chị H chịu trách nhiệm trả hết các khoản nợ nên anh X có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản cung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Thị H trình bày:

Chị Thị H và anh Điểu X kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước An. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 2 năm 2022 anh X đi chấp hành án. Khi quay về anh X về nhà mẹ ruột ở. Từ đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vướng mắc không thể hòa giải nên anh X yêu cầu ly hôn. Do chị H cũng không còn tình cảm gì với anh X nên đồng ý ly hôn.

Đối với hai con là Thị Kim H, sinh ngày 18/8/2004 và Điểu Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2019, khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày giống như anh Điểu X về tài sản chung và các khoản nợ. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, chị H và anh X đã thỏa thuận được với nhau về tài sản hung và nợ chung như sau: Anh X đồng ý giao toàn bộ tài

sản chung là căn nhà xây trên đất của bà Thị H cho chị H, còn chị H có trách nhiệm làm bản cam kết có nghĩa vụ trả toàn bộ các khoản nợ, gồm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Quản số tiền 50.000.000đ, cho ông Điểu T 40.000.000đ và bà Lữ Thị M 15.000.000đ. Sau đó anh X đã rút yêu cầu chia tài sản và nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội V trình bày:

Năm 2018 anh X và chị H vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Q là 50.000.000đ, phương thức trả định kỳ hàng năm nhưng anh X, bà Hương không trả được hàng năm nên số tiền nợ được dồn vào kỳ thanh toán cuối cùng. Sau khi nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, Ngân hàng đã tiến hành làm việc với khách hàng và chị H đứng ra cam kết chịu trách nhiệm thanh toán khoản vay trên cho ngân hàng. Xét điều kiện của khách hàng đủ khả năng thanh toán hết số tiền còn lại đúng hạn cho ngân hàng chính sách, nên Ngân hàng chấp nhận sự tự nguyện của chị Thị H về việc sẽ trả hết số tiền còn nợ là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), kỳ thanh toán vào ngày 13/3/2023.

Do Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Quản và khách hàng đã tự thỏa thuận được với nhau nên Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Quản không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ trên trong vụ án ly hôn. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Quản yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Điểu T trình bày:

Vào thời điểm anh X, chị H xây nhà, ông T có cho anh chị vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Nay anh X và chị H ly hôn tại Tòa án, chị H có cam đoan với ông T sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên và ông T đồng ý. Do hai bên đã tự thỏa thuận với nhau nên ông T không yêu cầu tòa án giải quyết khoản nợ trên và yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lữ Thị M trình bày:

Năm 2018 bà Lữ Thị M có bán vật liệu xây dựng cho anh Điểu X và chị Thị H để xây nhà, đến nay họ còn nợ lại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Nay anh X và chị H ly hôn tại Tòa án, chị H có cam đoan với bà M sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên nên bà M đồng ý. Do hai bên đã tự thỏa thuận với nhau nên bà M không yêu cầu tòa án giải quyết khoản nợ trên và yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thị H trình bày:

Bà Thị H là mẹ ruột của Thị H. Do Thị H và Điểu X sau khi kết hôn không có nhà và đất nên bà cho vợ chồng Hương xây nhà nhờ trên đất của bà để vợ chồng có chỗ ở. Khi ly hôn Thị H và Điểu X thống nhất giao nhà cho Thị H thì bà H đồng ý

cho chị H và các con tiếp tục ở tại căn nhà trên đất của bà. Do bà Thị H đi lại không tiện và cũng không có tranh chấp gì với vợ chồng chị H nên yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Điểu X được ly hôn với chị Thị H. Giao con chung Thị Kim H, sinh ngày 18/8/2004 và Điểu Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2019 cho chị Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Điểu X tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000đ/tháng là phù hợp với thu nhập hàng tháng theo bảng lương của anh X và thu nhập trung bình của lao động phổ thông tại địa phương nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Do anh X đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết các khoản nợ nên tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Điểu X khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Thị H có nơi cư trú tại xã Phước A, huyện Hớn Q, nên đây là vụ án Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh Điểu X và chị Thị H và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ và có yêu cầu vắng mặt mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh X và chị H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước A, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án anh X và chị H đều có nguyện vọng lý hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầ khởi kiện cho anh X ly hôn với chị H.

[3] Về con chung: Anh X và chị H thống nhất giao hai con Thị Kim H, sinh ngày 18/8/2004 và Điểu Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2019 cho chị H nuôi dưỡng,

thỏa thuận này là tự nguyện và cũng phù hợp với nguyện vọng của con trên 07 tuổi Thị Kim H nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bảng lương tháng 7/2022 của Công ty TNHH Longfa xác nhận anh X có mức lương 08 triệu đồng, tại Biên bản xác minh tại UBND xã Phước An thể hiện thu nhập trung bình của lao động phổ thông nam giới tại xã Phước An là khoảng 06 đến 08 triệu/01 tháng. Chị H yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi mỗi con 3.000.000đ/tháng, tổng cộng là 6.000.000đ/tháng là không phù hợp với mức thu nhập của anh X vì số tiền còn lại không đủ để đáp ứng nhu cầu sống tối thiểu của anh X. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, anh Điểu X tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000đ/tháng, mức cấp dưỡng trên phù hợp với điều kiện thu nhập của anh X nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Anh X và chị H tự thỏa thuận về việc anh X đồng ý giao toàn bộ tài sản chung là căn nhà xây trên đất của bà Thị H cho chị H, còn chị H có trách nhiệm trả toàn bộ các khoản nợ chung. Sau khi thống nhất ý kiến anh X đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung. Đây là sự tự nguyện của anh X, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận,đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung của anh X.

[5] Chị Thị H đã cam kết nhận trách nhiệm trả nợ cho những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trong đó nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Quản số tiền 50.000.000đ, nợ ông Điểu T số tiền 40.000.000đ và nợ bà Lữ Thị M số tiền 15.000.000đ. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có văn bản đồng ý với cam kết trả nợ của chị H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ, không ai có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Do vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết các khoản nợ của anh Điểu X và chị Thị H trong vụ án này. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền tự thỏa thuận với chị Thị H hoặc khởi kiện vụ án khác nếu có yêu cầu.

[6] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Điểu X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ và án phí cấp dưỡng 300.000đ. Được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp. Đối với phần án phí chia tài sản chung, sau khi trừ đi phần nghĩa vụ án phí anh X phải chịu thì số tiền còn lại được trả cho anh Điểu X.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Điều Xuân về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Điều X ly hôn với chị Thị H. Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2014 ngày 17/02/2014 tại UBND xã Phước A, huyện Hớn Q, tỉnh Bình Phước không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung Thị Kim H, sinh ngày 18/8/2004 và Điều Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2019 cho chị Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Điều X cấp dưỡng nuôi con Thị Kim H và Điều Thị Thanh T mỗi con 1.500.000đ một tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2022.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Điều X đối với yêu cầu chia tài snả chung và giải quyết nợ chung.

3. Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hớn Quản, ông Điều T và bà Lữ Thị M có quyền tự thỏa thuận với chị Thị H về hợp đồng vay tài sản giữa các bên hoặc khởi kiện vụ án khác nếu có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Anh Điều X chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, 300.000đ án phí cấp dưỡng. Tổng cộng 600.000đ. Được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014013 ngày 09/6/2022 và 750.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013955 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Trả lại cho anh Điều X 450.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013955 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản
- Các đương sư
- Nơi ĐKKH
- CCTHADS huyện Hớn Quản
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Thủy